*2.1.2. Biểu tượng cổ mẫu – va chạm với tâm thức cộng đồng*

Văn bản không bao giờ tồn tại độc lập, tự trị mà là sản phẩm của vô số những mã, những diễn ngôn và văn bản trước đó được chồng xếp, kết nối, chuyển hoán, tương tác. Văn bản chính là một bức tranh khảm kết dính các trích dẫn và ghi chú (mosaics of citations), là âm vang dội lại từ nơi vô tận của các ý tưởng đã từng tồn tại từ bao đời. Có lẽ vì thế mà nền văn hóa nhân loại có mặt dù rất lâu, rất xưa nhưng chưa bao giờ vắng bóng trong các tác phẩm văn học. Từ sự hắt bóng trong những mơ mộng nghệ thuật có từ tác phẩm văn chương đầu tiên là thần thoại, những mảnh khảm ghép văn hóa ấy càng ngày càng thể hiện sức sống lâu bền và sự lan tỏa trong những tác phẩm văn học hiện đại. Qua đó thể hiện một tư duy nối dài của vô thức tập thể qua các thời kì, giai đoạn cũng là cơ sở để khẳng định khả năng “biên soạn lại văn bản” từ kho nguyên liệu dồi dào, lấp lánh trí tuệ nhân loại ở người nghệ sĩ. Trên một tấm thảm được dệt từ vô vàn những trích dẫn của các yếu tố tiền văn bản, một sự thăng hoa giữa vô thức và hữu thức trong hoạt động sáng tạo của nhà thơ, nhà văn được phát lộ đã cho thấy sự hấp thụ những kinh nghiệm sẵn có cùng tư duy độc đáo làm nên phong cách của mỗi người. Tác phẩm ra đời vốn mang trong nó kí ức của nhân loại vừa là dấu ấn của người nghệ sĩ trong sự “viết lại” đã kích hoạt đường biên liên tưởng, khai mở trí tuệ và dẫn người đọc dạo trên một cách đồng ….

Tác phẩm khảm kết xây dựng lên những lâu đài ý tưởng dựa trên những mảnh vụn vỡ nát của những nền văn hoá đã tan loãng theo thời gian, dấu vết của cái nguyên khởi vì thế đã bị phủ lên bởi bao lớp ý niệm, tư duy mới của thời đại. Trong các thành tố của văn hóa, sự trích dẫn vào tác phẩm văn học mang nhiều sự chuyển dịch, biến đổi chính là cổ mẫu - vốn là biểu tượng lớn, xa xưa hơn cả. Cổ mẫu, một thuật ngữ do nhà tâm lý học phân tích - Carl Jung (1875 – 1961) đề ra đầu thế kỷ XX. Trong quá trình tìm hiểu về vô thức tập thể, từ việc nghiên cứu các khi tìm hiểu huyền thoại, cổ tích, nghiên cứu giấc mơ, tôn giáo, điều trị y học…và ông đã phát hiện ra cổ mẫu . *“Theo C.G. Jung, các mẫu gốc giống như những nguyên mẫu cuả các tập hợp biểu tượng ăn sâu trong vô thức đến nỗi chúng trở thành như một cấu trúc, như những ký tích, theo cách nói của nhà phân tâm học Zurich…Các mẫu gốc hiển hiện ra như những cấu trúc tâm thần gần như phổ biến, bẩm sinh hay được thừa kế, một thứ ý thức tập thể; chúng thể hiện qua các biểu tượng đặc biệt chứa đầy một công suất năng lượng lớn. Chúng đóng một vai trò động lực và thống nhất đáng kể trong sự phát triển nhân cách”* **(Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**, tr. 21). Có thể nói, cổ mẫu là những biểu tượng lớn có cội nguồn từ xa xưa, thoát thai từ vô thức (chứ không phải ý thức) và là vô thức tập thể (chứ không phải vô thức cá nhân). Nói khác đi, cổ mẫu là hình tượng có giá trị bền vững và phổ quát, thoát thai từ vô thức tập thể. Dù thoát thai từ vô thức tập thể, nhưng cổ mẫu có tính tự trị của mình, bởi vì nó sinh ra từ một khởi nguyên độc đáo và một năng lượng đặc thù. Chúng có thể, vừa bổ sung trong dạng thức biểu tượng riêng của nó như một sự chuyển dịch mang ý nghĩa, vừa tham gia vào một tình huống có sẵn với những xung năng riêng và những tư tưởng riêng của chúng. Với những biểu hiện kép về chức năng, cổ mẫu luôn tương tác với những cổ mẫu khác, dệt nên một tấm thảm độc đáo về cuộc sống.

Với tư duy nghệ thuật mang tính đối thoại với tâm thức văn hóa nhân loại, thế giới thơ Nguyễn Bình Phương dung chứa những cổ mẫu nước, lửa, cây cỏ và đặc biệt là trăng trong chiều sâu của sự khám phá, để từ những ý nghĩa bản nguyên cấp cho nó mã mới lấp lánh chất trí tuệ trong niềm khao khát được thấu đạt bản chất sự sống trượt ra ngoài những “tiền định” về những chuẩn giá trị bị đóng băng của cái xưa cũ.

**\*NƯỚC**

Là nguyên tố có tuổi đời già nhất, ngay từ những tác phẩm văn học đầu tiên đã thấy sự xuất hiện của nước nhưng theo Bachelard, *do bản chất “nữ”, “đằm sâu”, “bền vững” “kín đáo”, “đơn giản” của mình, Nước thường hiện ra trước mắt con người ở phương diện bề mặt, như là cái phông trang trí, hơn là tiếng gọi cội nguồn thẳm sâu của nó. Vậy nên, theo G. Bachelard, đi tìm những “nét đẹp tư duy của nước”, ta phải xuyên qua các bề nổi để thấy bề sâu, xuyên qua trí tưởng tượng hình thức để khai mở trí tưởng tượng về nội dung”* (Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam). Đi từ hình tượng bề nổi đến hình tượng bề sâu của nước trong các tác phẩm văn học, có thể thấy ở đó có sự sống dậy phần nguyên thủy của nước trong vũ trụ cùng sự hòa nhập, khám phá cái bản thể cá nhân, mang biểu hiện của tâm lí con người.

Theo từ điển văn hóa thế giới, “dù Nước có muôn hình vạn trạng sao đi chăng nữa, ý nghĩa tượng trưng về Nước trong đời sống nhân loại vẫn quy về ba chủ đề lớn: nguồn sống, phương tiện thanh tẩy và trung tâm tái sinh” (theo Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới, tr.709).  “Nước là dạng thức thực thể của thế giới, là nguồn gốc sự sống và là yếu tố tái sinh thể xác và tinh thần, là biểu tượng của khả năng sinh sôi nảy nở, của tính thanh khiết, tính hiền minh, tính khoan dung và đức hạnh” (xx, tr. 710). Trong tầng sâu của vô thức tập thể, văn học Việt Nam có sự gặp gỡ với văn học thế giới về cổ mẫu nước, thoát thai từ các tác phẩm văn học dân gian. Ở đó, cổ mẫu nước vừa là những cổ mẫu chung của văn hóa nhân loại vừa là những cổ mẫu riêng của cộng đồng người Việt. Như khởi nguồn của mọi sự sống, ngay từ buổi đầu của nền tư duy còn sơ khai, nước đã là thành phần không thiếu làm nên bản mặt của sự sống nguyên sinh để cùng với Đất tạo thành biểu tượng kép vừa đan bện, vừa xoắn xuýt, khi tách rời. Có mặt trong các thần thoại *Đẻ Đất đẻ Nước, Con Rồng cháu Tiên*, *Chử Đồng Tử...*nước hiện diện trong cảm hứng về cái khởi đầu làm nên sự sống, đến với *Sơn Tinh Thủy Tinh, Quả bầu mẹ*, người Việt tư duy về nước còn mang nỗi ám ảnh với sức mạnh hủy diệt đáng sợ, vì thế họ có phần e dè khi đề cập đến nước như một lãnh địa bất khả xâm phạm. Nước thanh tẩy hóa giải tội lỗi, nỗi oan tình trong hình tượng Mị Châu hòa vào trong lòng biển để kết tinh thành viên ngọc châu trong sáng; là sự chứng thực cho mong muốn được thứ tha của Trọng Thủy trong hình ảnh giếng nước tưới qua ngọc châu càng thấy sáng trong hơn (Mị Châu – Trọng Thủy). Là dòng sông bao dung, dịu dàng ôm vào lòng nàng Mị Nương trầm mình rửa nỗi đau oan nghiệt từ sự ghen tuông mù quáng của người chồng (Chuyện người con gái Nam Xương – Nguyễn Dữ). Nước mang nghĩa tái sinh với dòng Tiền Đường sau bao lần Thúy Kiều gieo mình xuống sông tìm sự giải thoát và tiếp tục sự sống cho hết kiếp đoạn trường (Truyện Kiều – Nguyễn Du). Đi vào tác phẩm văn học hiện đại, Nước không ngừng biến hóa linh hoạt trên những mảnh vụn vỡ của văn hóa nhân loại vừa mang những mảnh lấp lánh sắc màu lạ của cái cá biệt, mang tính hiện đại từ sự tư duy trên những trải nghiệm cá nhân và nghiệm suy về bản thể trong thơ Tản Đà, Hồ Xuân Hương, Trần Dần, Bùi Giáng, Nguyễn Quang Thiều, truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp,…Trong sự suy tưởng về nước, các tác giả không chỉ nắm bắt nước về mặt hữu hình mà còn khai sâu vào mặt phi hình thái của nó trong các nguyên dạng: lụt, mưa, sương… Từ cái cổ mẫu mang giá trị gốc ban đầu, bằng phần vô thức trong sáng tạo bởi tư duy hiện đại của người nghệ sĩ, nước trong mỗi hình thái này đến lượt nó, lại có khả năng trở thành những biểu tượng và những cổ mẫu văn chương mới.

Trong thi giới Nguyễn Bình Phương, nước hiện diện trước hết ở nét mặt nguyên thủy - cội nguồn sự sống với “biểu tượng của tính thanh khiết, tính hiền minh, tính khoan dung và đức hạnh” [710]. Cổ mẫu Nước với những hình thái dòng suối, mưa trong thơ Nguyễn Bình Phương thường gắn với “em” trong hoài niệm về tình yêu đã qua, dẫu mang nỗi buồn “rưng rưng” về bóng hình xưa cũ vẫn lành tâm với những ý nghĩ thanh khiết, trong lành, mang sức sống hồi sinh những tâm hồn: “*Sau ý nghĩ về em có một dòng suối trong/ Dòng suối chảy giữa ban mai chim hót”* **(Ngợi ca);** “*Trang sách nhàu của tôi mưa ướt/ Em ngồi trong cổ tích có mưa”* **(Với người trong cổ tích).** Đó còn là sự dịu ngọt, chan hòa, làm tắm mát, xoa dịu những vết thương xưa: “*Cuối tình yêu có một cơn mưa/ Có đôi tay trần từ trời cao dịu dàng buông xuống/ Bóng xưa về trên cuống rưng rưng*” **(Hình cũ**); **“***Trong sự dày vò/ Tôi viết tên em lên cơn mưa nhỏ/ Em nhìn thật hiền/ Thế rồi văng vẳng cả thời hoa niên/ Thế rồi không đêm bông trăng vẫn nở/ Muôn trùng muôn nơi”* **(Rượu một mình).** Hình tượng em – “nàng thơ” trong thi giới Nguyễn Bình Phương gợi về mối tình mong manh, dù đã rời xa nhưng cũng là nơi để cái tôi hoài niệm ấy nương vào tìm thấy cảm giác ngọt ngào, bình yên, cổ mẫu nước trong hình thái phi hữu hình “sóng nước” đã thể hiện sự trinh nguyên, thuần khiết, êm dịu ấy:*“Những bông quỳnh lộng lẫy trong đêm/ Áp vào ta bao nhiêu niềm trinh bạch/ Em áp vào tôi những sóng nước dạt dào của kênh rạch miền Tây”* **(Một mùa hè mọi thứ áp vào nhau).**

Mang ý nghĩa của sự thanh tẩy, Cổ mẫu nước dưới nguyên dạng mưa trở thành biểu tượng khơi gợi sự lay thức thẩm mĩ trong thơ Nguyễn Bình Phương. Kinh Veda (cội gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ), hơn một ngàn năm trước công nguyên, từng vang lời ngợi ca “dòng nước mang lại sự sống, sức mạnh và sự thanh tẩy: Hỡi những dòng nước hồi sức cho đời/ Hãy mang lại cho chúng tôi sức mạnh/ Sự cao cả, niềm vui, cảnh mộng!…/ Hỡi những dòng nước, xin hãy cuốn đi cái tội lỗi này, dù lớn hay nhỏ mà tôi đã phạm, cái điều không hay mà tôi đã gây cho ai đó, câu thề nguyện dối trá mà tôi đã thốt ra [, tr 710]. Cựu ước và tiếp đó là Tân ước của người Do Thái giáo và Kito giáo cũng không ngừng ngợi ca vẻ đẹp của nước. Những cuộc gặp gỡ quan trọng trong Kinh Thánh thường diễn ra bên giếng nước. Nước lưu giữ những điều linh thiêng, những hoan lạc kì thú. Hành trình của người Do Thái tìm về miền đất hứa cũng là hành trình tìm đến dòng nước thiêng – nước Thanh tẩy. Và với Nguyễn Bình Phương, khi đến Tịnh Tâm - Huế, xứ sở văn hóa thiêng liêng u trầm, nước hiển hiện trong thơ mang ý nghĩa thanh tẩy những bụi bặm đời thường để người đọc được ngắm nhìn khuôn mặt kinh thành Huế ở chiều sâu văn hóa ẩn dưới những lớp trầm tích của thời gian. Hay đó còn là những giọt mưa thiêng lành tẩy rửa cho những tâm hồn đang vì bộn bề mưu sinh mà nhắm nghiền mắt trước những khoảng tĩnh thanh khiết của miền tâm giới: “*Mở mắt/ Đã Tịnh Tâm/ Mưa gợi những đường cong hiển lộ/ Vậy là Huế làm anh ngờ ngợ […] Mở mắt/ Đã Tịnh Tâm/ Mưa gợn cong cong/ Sông cũng gợn/ Xa xa súng thần công và biển/ Và chút gì mảnh khảnh trong đêm* **(Chớp mắt Huế).** Cùng với đó, Mưa với ý nghĩa của sự xóa sạch, mông lung mang đến sự lạnh lẽo, trống trải, mênh mang khi thức dậy miền kí ức tuổi thơ xưa: “*Con sáo tuổi thơ em theo chị vào thuyền/ Ngùn ngụt bờ bên nhà người mưa trắng/ Suốt đêm cha soi đáy rượu tìm mình*” (… ). Mưa cuốn trôi xóa nhòa bao dĩ vãng, cuốn đi vinh quang ảo vọng một thời, và đời cũng như mưa – “tuồng như sống cũng chỉ là rơi”, sẽ còn lại gì sau những cuốn trôi xa của dòng đời:*“Mưa vẫn sa trùng trùng/ Ướt tuổi tên vua chúa/ Ướt xuyên qua những mánh lới bập bùng/ Hư không và mái tôi cùng ướt* […] *Những buông rơi ê a đâu chỉ để ê a/* *Đời như mưa bao sa sẩy mệt nhoài* **(Miêu tả những ngày mưa);** gạn lọc hết những vui buồn trần thế, mưa thanh tẩy tâm hồn để khi đối diện cùng cái chết, vẫn an lòng vì những kết tinh trong khiết của một đời:*“Vĩnh biệt mùa hè con đường đi ngược/ Vĩnh biệt phút khổ đau khi đối thoại với thầy/ Vĩnh biệt ánh trăng góc vườn héo rũ/ Vĩnh biệt những quả chuông/ Ta cắt dây/ Ngàn vạn giọt mưa rơi xuống”* **(Vĩnh biệt)**

Chút thoáng buồn của tình yêu, kí ức theo những cơn mưa trôi mất để đối mặt và sực tỉnh mình vì những lo âu của phận đời, Thơ Nguyễn Bình Phương mang nỗi ám ảnh từ vô thức cộng đồng trong nỗi bất an về sự hủy diệt của cổ mẫu nước ở nguyên dạng biển. “…nước gây chết chóc. Trong Kinh Thánh, những trận nước dâng cao báo trước những thời kì thử thách. Nước tràn ngập khắp nơi là biểu tượng của đại họa” [713]. Quyền lực, chức danh là điều gây nên nỗi lo âu trong đời khi chưa có được và cả khi phải mang nó mỗi ngày, nhà thơ giãi bày nỗi ưu phiền vì bi kịch “lưu đày” hiện sinh ấy: *“Một ngày cái chức không đâu bỗng vỗ nên thành biển/ Biển xanh đen vàng vây cá mập giương buồm/ Đêm đảo cánh xoay muôn đường ngàn hướng/ Sáng ra hoa đại rụng ơ hờ/* **(Gửi những khổ sở).** Những “khổ sở” ấy theo cả vào những giấc ngủ đêm “*Và biển khuya mất ngủ/ Vỗ ì ầm ì ầm bên gối/ Mây đêm bay về phía chân trời/ Chân trời run rẩy sáng*” **(Thật xa xôi).**

Nhưng không chỉ có cảm hứng về nguồn tìm sự thanh lọc, hướng về hiện tại với dự cảm bất an, cổ mẫu nước trong thi giới Nguyễn Bình Phương còn gắn với những suy tưởng. Những cơn mưa từ miền nội tâm, thế giới của vô thức dẫn dắt những giấc mơ thầm kín thoáng hiện. Cái lảng bảng, êm nhẹ như nhung mềm của mưa phùn gợi những giấc mơ trong suốt, bồng bềnh: *“Những con chim ngủ yên trong mặt trăng bằng nước/ Mưa phùn bay giấc mơ màu ngọc”* (Tháng 11); mưa hay ảo ảnh thời gian làm vụt sáng những giấc mơ êm “*Hãy dìu cô gái đồng trinh/ Quán xưa mưa về thoang thoảng/ Những con chim già ngủ mơ/ Giấc mơ lập lòe phát sáng”* **(Thác)**; Và đặc biệt, cặp biểu tượng hủy diệt – tái sinh, hiền hòa – dữ dội trong cổ mẫu nước được gợi lại đã giúp nhà thơ thể hiện nhu cầu nhận thức về cuộc sống. Nước mang hình hài những cuộc đời, số phận trong thế giới phồn tạp: “*Nước: Khuôn mặt phù thũng/ Con mèo chửa hoang đi tìm nơi ở cũ/ Cặp môi người chết oan/ Con đại bàng già gặp con sẻ nâu hiếu chiến/ Nước: Nòng súng đen ngòm hát ru đứa bé lên ba ngủ/ A ha vui thay/ Nước ơi nước tim mày đập ở đâu/ Mắt mày nhìn ở đâu/ Tai nghe ở đâu/ Xưa một dòng nhỏ hiền hòa/ A ha…* **(Thái Nguyên).** Nước không còn mang khuôn mặt phản chiếu nét mặt cuộc sống hiền hòa mà dung chứa những ngỗn ngang, phức điệu của hiện thực nhiều mảnh ghép. Đó là cuộc đời và nhà thơ trên cái “bè hiện sinh” đã mang đến cho nước diện mạo của “đời” chứ không chỉ ở vẻ mặt thiên nhiên.

Cùng với mưa, sương cũng xuất hiện khá nhiều mang những ám gợi sâu sắc trong thế giới thơ Nguyễn Bình Phương. Sương cũng giống Mưa nhưng tinh tế nhiều hơn, là hiện thân cho thiên ân hồi phục sự sống. “Nước tuôn ra từ tim, làm toàn bộ con người bên trong tràn ngập sương thần thánh” – Calliste II Xanthopoulos [ ; tr.840]. Những giọt Sương đó được Người Kitô giáo xem là mồ hôi hòa máu Đấng cứu thế làm nở những bông hồng. Cũng theo Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới, Sương còn là mồ hôi của trời đất, là nước bọt của các thiên thể (Pline), là sương trời trả lại cuộc sống cho những hài cốt (người Do Thái), là sương trăng làm sáng mắt và đạt tới sự bất tử (người Trung Hoa – những tiên ông ở đảo Ho-tcheou đã nuôi dưỡng mình bằng không khí và sương, Hoàng đế Vũ nhà Hán hứng sương vào cốc ngọc thạch để uống). Sự rơi sương dịu ngọt là dấu hiệu kết hợp hài hòa của Trời và Đất (Lão Tử). Và sau hết, đặc biệt trong ngôn ngữ nhà Phật, thế giới Sương gắn liền với sự Chân ngộ triết lý đạo.

Là sản phẩm kết tinh từ tạo hóa, sương thể hiện cái nhìn trong suốt, minh tuệ của Nguyễn Bình Phương về thế giới trẻ thơ – sinh ra từ tạo hóa và tô màu cho tạo hóa: “*Chú bé là ta/ Ta là quầng sương mịn/ Chít vành tang cho cây/ Ta phả xanh vào lá thì lá hát/ Ta phả đói vào bàn chân thì bàn chân đứng dậy”* **(Ru)**. Và gợi nhiều nhục cảm hơn cả chính là sương gắn với em trong vẻ đẹp mong manh, ẩn hiện, đầy khao khát “*Ai rót rượu vào trăng/ Sương như mắt thiếu phụ về dĩ vãng/ Đêm/ lang thang lang thang lang thang*” (…); “*Mơ theo mưa mưa dắt anh đi/ Gặp trên bến cũ/ Khóe miệng sương mù”* **(Chớp mắt Huế).**

Với triết lí nhà Phật, sương được xem là biểu tượng về cuộc đời, chốn phù sinh có đó mất đó, đi qua cái mong manh của phận người, cuộc trần ai chỉ như một ảo ảnh. Khi xưa, vào thế kỉ …, thi sĩ thiền Basho đã từng rơi lệ khi cầm trên tay nắm tóc mẹ để lại và mặc niệm về cõi người “*Giọt lệ trào nóng hổi – tan trên tay tóc mẹ - giọt sương thu*”. Tịnh tâm thấu đạt cõi sống, thơ Nguyễn Bình Phương như tiếng nói vỗ về: *“Nhuốm gót theo ôi đầm sương là sương/ Mỗi vòm lá bạt ngàn con mắt khóc/ Nín đi nào, nín đi trời đất/ Ngoài lặng im mọi thứ hóa lu mờ”* **(Cái bóng). Và** khi không thấu đạt giá trị sống, cái vẻ uyên nguyên của sự sống trong sương không còn nữa, chỉ còn lại cái mù mờ, khờ khạo của những rượt đuổi, bị cầm tù vì những ảo ảnh trần gian, cuộc hiện sinh cho thấy những cái chết vô hình trong cuộc sống vô vị “*Những người ngớ ngẩn tìm nhau nơi sương/ Những con mèo đốm nâu tìm rắn”* **(ngỏ lần 3)**;“*Có dòng suối chảy trên những tầng rễ/ Có góa phụ chít khăn bằng sương*” **(không đề).**

**\*LỬA**

Lửa cũng là một mẫu gốc mang sức ám ảnh lớn trong nhiều thi phẩm  
của Nguyễn Bình Phương. Cùng với “nước”, “lửa” trở thành một  
biểu tượng kép trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng nhiều dân tộc trên thế giới. Việc bảo vệ lửa thiêng trải rộng từ La Mã cổ đại đến Angkor, từ phương Tây sang đến phương Đông. Về ý nghĩa vật chất, Lửa mang biểu tượng của sự **tẩy uế tái sinh** trong Đạo Kito và Đạo giáo với hình ảnh “chúa Kito tái sinh cơ thể bằng cách đi qua lửa lò của xưởng rèn”, “người theo Đạo giáo bước vào lửa để tự giải phóng thân phận mà con người phải chịu đựng” [545]. Mặt khác lửa còn mang biểu tượng cho sự **tàn phá, thiêu hủy .** Về ý nghĩa tinh thần, Mircea Eliade ghi nhận đặc tính hai mặt của lửa: “lửa có nguồn gốc có thể là thánh thần, có thể là ma quỷ. [từ điển biểu tượng, tr. 547]**.** Cùng với đó, “ngọn lửa thiêng của đạo Hindu mà Đức Phật thay bằng ngọn lửa bên trong, nó đồng thời là tri thức xuyên suốt, là sự giác ngộ và hủy bỏ cái *vỏ bọc ngoài*”. Đó là ngọn lửa có khả năng tiêu trừ mọi vọng tưởng, phóng chiếu con người về cõi cực lạc – ngọn lửa “tam muội” của Phật giáo: “*Phóng tam muội hỏa quang thiêu trừ/ Chứng đắc nhập vô dư Niết Bàn”.* Gaston Bachelard (người tiên phong cho khuynh hướng *Phê bình mới* ở Pháp) nghiên cứu về cổ mẫu lửa xuất phát từ phức cảm Prométhée thì cho rằng lửa là một hiện tượng mang tính xã hội, hay chính xác hơn, ở lửa, có sự giao thoa giữa cái tự nhiên và cái xã hội, trong đó cái xã hội bao giờ cũng chiếm phần hơn. Mặc khác, từ truyền thuyết, nhà triết học Hy Lạp Empédocle leo lên miệng núi lửa để gieo mình, Bachelardbàn về **sự mộng mơ** của lửa. Khác với cách giải thích thông thường về  
nguồn gốc của lửa, Bachelard đã lý giải lửa dưới góc nhìn phân tâm  
học. Đó là sự cọ xát, bốc lửa dục tình của thân thể. Từ những đặc điểm  
của lửa, Bachelard đã tìm thấy sự gần gũi, tương đồng gợi đến vấn đề  
dục tính, lòng ham muốn, sự say mê, tình yêu của con người: lửa lòng, lửa thù, lửa hận, lửa yêu, lửa tham, lửa dục. Lửa được đưa vào văn bản văn học như một biểu tượng đa nghĩa khơi gợi sự tìm tòi, giải mã của người đọc. Người Việt có tín ngưỡng tôn thờ lửa với niềm chiêm bái, ca tụng thiêng liêng, đó là ngọn lửa thiêng mang đến sự ấm no, sung túc mà từ đó có tục thờ ông Táo trong nhà. Lửa đi vào sinh hoạt, trạng thái, cảm xúc của con người với đủ đầy sắc thái cung bậc, đó còn là ngọn lửa của những thử thách “lửa thử vàng, gian nan thử sức” và là hấp lực gây nên bao đam mê, tội lỗi: “cơ thể bốc lửa, đôi môi bỏng chảy”…)

Là nhân tố khởi nguyên của văn minh nhân loại, chứa năng lượng tạo sinh cũng như nước, lửa mang ý nghĩa cho cái khởi đầu uyên nguyên nhất. Có cái uyên nguyên nào tuyệt đối trong ngần bằng lọc qua lăng kính trẻ con: “*Không giày không áo quần/ Trẻ con ùa ra từ mẹ/ Mẹ trăng tết bằng rơm bị cháy***” (Cho người Thái Nguyên).** Cùng với thế giới trẻ con, những người điên là nhân vật dành nhiều sự quan tâm của tác giả trong khát vọng “thăm dò tiềm thức” ở con người, nơi mọi thứ đều được tri nhận bằng cái nhìn bản nguyên nhất mà không chịu sự chi phối bởi bất kì quan niệm xã hội nào cũng như mọi ý niệm quy chuẩn làm suy mòn nhận thức. Sự sinh ra đời bao giờ cũng đặt trong sự chuyển giao của sự vận động vũ trụ: khởi đầu – kết thúc, khôi nguyên – tàn héo: “*Đêm ấy gái làng nhìn trăng buồn rười rượi/ Đêm ấy đám người điên/ Khơi lên ngọn lửa hoang lạnh lẽo/ Đêm ấy những hàng cây đại thụ/ Long rễ và héo rũ*” (**Giờ sinh**). Cổ mẫu lửa đã thể hiện thật ý vị cảm thức thẩm mĩ trong thơ Nguyễn Bình Phương về việc “*làm sống lại/ những cảm giác tinh khôi/ Về con đường mới lạ”* (**Thác**). Sự vụt sáng trong cái tâm trí người điên đặc biệt về đêm, ngọn lửa chính là biểu tượng cho sự thức ngộ bừng sáng đầy minh triết: “*trong kí ức người điên/ Đêm đêm lửa chập chờn tìm kiếm/ Những bức tường màu lam/ Ngoài chân trời một rừng mây tàn úa…”* (*Tâm trạng ngày*). Người điên dày đặc trong thế giới nghệ thuật Nguyễn Bình Phương cả trong tiểu thuyết và thơ. Qua nhân vật người điên, nhà thơ muốn khai sâu và tìm thấy cái uyên nguyên nhất thuộc về bản thể người sau sự lu mờ của nhận thức, ý thức. Và lửa trong khoảng đêm diệu kì làm bừng sáng, khai ngộ cũng là ngọn nguồn của sự sống nguyên khởi.

Cổ mẫu lửa trong thơ Nguyễn Bình Phương thường gắn với đêm. Hay đêm chính là môi trường chứa những xung năng dữ dội tự bên trong, trong cái tĩnh lặng của đất trời về đêm ngọn lửa bùng cháy sáng hay cái xung lực tiềm tàng chất chứa vụt lên khi trời đất giao hòa. Ngọn lửa lóe sáng– giây phút khai mở cho trí tuệ, thỏa sức bay vào thế giới sáng tạo để nghe chuyển động của vạn vật trong thế giới tự nhiên - một sự héo rũ, chao đảo, rơi rụng, trì nặng và xô đẩy nhau: “*Lập tức vầng trăng xòe lửa vỡ hai đầu, đâu đó những quả đổi héo rũ, đâu đó tiếng cốc nghiêng/ Tiếng nước rơi/ Mây vẩn đầy trời. Bầy nghê đã cười xô vào dĩ vãng*” (**Trò thiêng** – 20). Đứa con tinh thần ra đời trong ngọn lửa thiêng của Đấng sáng thế lộng lẫy.

Mang trong nó sự âm ỉ của nhưng xung năng từ bên trong, lửa mang sức mạnh tiềm tàng và đêm khai mở cho sự cựa quậy càng lúc càng trở nên dữ dội “ *Đêm giấu lửa/ Lòng bàn tay rực cháy/ Bao vu vơ tắt lim bên đường/ Đi và nhớ/ Đi nghe trong tưởng tượng/ Những lối mòn mất hút giữa vùng khuya”* (Biền biệt)

Và trong thơ Nguyễn Bình Phương, cổ mẫu lửa còn là biểu tượng cho khao khát về những giấc mơ đẹp, ngọt ngào. Ở đó, lửa không trong trạng thái của những dữ dội, bùng cháy mà chờn vờn trong sự dịu dàng ru êm : “*Những buổi chiều lá bay quanh mình/ Một người đi chơi vơi như lửa/ Ta rụt rè thắp ngọn đèn xưa/ Lời thì thầm của em sáng lại”* ***(Những chiều mở***). Kí ức xưa được thắp sáng lại bởi ngọn lửa mê đắm, làm ấm nóng lòng người sau những nguội lạnh của thời gian.

Để khi trở về với cuộc sống đô thị đầy ngột ngạt và giăng bẫy, thơ Nguyễn Bình Phương mang những ám ảnh, bất an về những ngày giữa trần gian. Ngọn lửa trong thơ ông mang những mê đắm, tiềm ẩn sự hủy diệt, thiêu rụi. Rượt đuổi những đam mê vật chất, con người đuổi bắt ánh sáng văn minh nhưng lại làm hủy mất bao giá trị tinh thần “Kinh thành sinh ra em/ Mang trong mình ngọn lửa chờn vờn (Thiêng).

“Hè phố vắng thành khoảng trống của thơ/ Gạch ngói rền vang bao cỗ máy/ Những đứa trẻ rã rời nhìn bóng mình chạy nhảy/ Lửa từng cuộn gầm gào trong lòng đất” (**Miêu tả những ngày nắng** – 182)

**\*CÂY CỎ**

“là biểu tượng của sự sống trong tiến hóa liên tục, trong sự vươn lên về phía trời…Mặt khác, nó cũng được dùng để biểu thị tính tuần hoàn của biến hóa vũ trụ: sự chết và sự tái sinh; [141]. “Cây cỏ cũng tượng trưng cho sự biểu hiện của năng lượng dưới nhiều dạng thức khác nhau, như quang phổ mặt trời phân tích thành nhiều màu khác nhau. Được coi là dạng biểu hiện của sự sống, cây cỏ không thể tách khỏi nước, cũng như khỏi mặt trời” [147]

“Em sẽ cầm bàn tay anh khô héo/ Băng qua hồ băng qua dải bùn đen/ Chậm rãi hàng cây về xanh lại/ Xanh liên miên” (**Hình ảnh cuối cùng** – 14)

“ Ngày mai vào cỏ/ Cỏ trả ít xanh/ Xưa đi với lá/ Lá cho thêm cành” **(Những ngày cô quạnh** – 16)

“Cỏ xác xơ như tóc/ Tóc như cây mùa rơi” **(Với người trong cổ tích) 🡪 suy tàn**

“Sẽ tấu lên những cọng cỏ xanh khuây khỏa/ Một lần yêu một lần hồ hởi như mơ/ Một lần yêu người yêu tí tẹo” **(Chốn xa người)**

“Chạm vào cỏ trắng/ Se sẽ hiện về […] Em nắm tay nhỏ nhẹ cúi đầu/ Cỏ trắng ơi cỏ trắng/ […] Cỏ trắng theo mưa/ Em rời cỏ trắng/ Dòng ngựa buồn chậm chạp nối nhau đi (Khuya nào – 26)

“Em xõa tóc làm cây ru con người thôi khóc/ Ru miên man qua nhập nhoạng chân trời/ Chìm trong sắc cỏ nụ cười/ Ngàn sau lam chướng còn ngời mơ em…”(Khúc ru – 27) (sự sống

“Đêm đêm, cây cối trong vườn kiên trì/ Xanh lại, mơ ước của họ đêm đêm cũng ú ớ/ Xanh theo, những vì sao cuối thu là ngày càng nhòa nhạt” (**Những cư dân vùng châu thổ sông Hồng) 🡪 tái sinh**

“Cây phượng ven hồ nhịu hình và ngã/ Kéo theo bao hối lỗi trong đời” **(Chân dung khi trống trải).**

**“Bệnh lẫn với cây không lá)**

“Những cô gái đến với anh/ Rồi lặng lẽ ra đi/ Họ mang theo chút buồn làm kỉ niệm/ Chỉ còn lại bóng những hàng cây/ Anh biết mình dần dần khô hạn (Hình ảnh cuối cùng) 🡪 mát dịu của kỉ niệm

**\* TRĂNG**

**TIỂU KẾT:**

Tiếng gọi ngàn xưa “*Cũng như thân thể người ta là một tập hợp đầy đủ những bộ phận, mỗi bộ phận là kết quả của một cuộc tiến hóa qua các thời kì tiền sử, ta phải nghĩ rằng tinh thần của ta cũng có một tổ chức tương tự thế. Tinh thần cũng như thể chất của ta, không thể là một cái gì không có quá khứ, lịch sử của nó”* [80; tr.96]. Lời khẳng định trên của Jung đã nhấn mạnh đến tính lịch sử, tính di truyền của vô thức. Tinh thần con người chúng ta hôm nay có nền móng từ những yếu tố “phi ý thức thời tiền sử”, những “vết tích bàn cổ” trong quá khứ xa thẳm loài người. Đặt cái nhìn đó vào thơ Bùi Giáng, ta thấy những yếu tố nguyên thủy, “vết tích bàn cổ” hãy còn ăn sâu trong tiềm thức con người hiện đại.

Tuy chưa hẳn đã có sự lùi xa về thời gian, song nếu tạm gạt đi những ồn ào buổi đầu xuất hiện, bình tâm trước những đánh giá phẩm bình… sẽ thấy còn đó một sợi giây neo mong manh từ vô thức ngàn xưa của dân tộc: những mẫu gốc, những biểu tượng… như những yếu tố gốc rễ, những kí hiệu cất giấu bản nguyên hiện thực, bởi “chúng ta đang sống trong một thế giới biểu tượng, một thế giới biểu tượng đang sống trong ta (…) một loại năng lượng đặc biệt (…) mà sức mạnh to lớn của nó bây giờ chúng ta mới dần đoán biết” (Guy Schoeller). Nghệ thuật chính là nơi chất chứa, lưu trữ những năng lượng đặc biệt ấy của nhân loại. Giải mã tác phẩm văn chương nghệ thuật, vén mở lớp màn bí mật trong chiều sâu vô thức nhà văn, lý giải những biểu tượng như những ám ảnh, những trung tâm sáng tạo nghệ thuật, là một cách tiếp cận hứa hẹn nhiều thú vị.